ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH PHONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 102 /BC-UBND	*Vĩnh Phong, ngày 17 tháng 3 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính Quý I năm 2026

Căn cứ Công văn số 1267/SNV-CCHC ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Sở Nội vụ tỉnh An Giang về việc báo cáo công tác cải cách hành chính Quý I năm 2026. Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2026 về cải cách hành chính năm 2026, Kế hoạch 33/KH-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 về việc kiểm tra chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ năm 2026. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính đảm bảo đúng tiến độ.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2026

Ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2026 về cải cách hành chính năm 2026, đã đề ra 08 nhóm nhiệm vụ chung của cải cách hành chính theo hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh và xác định 08 mục tiêu và 80 nhiệm vụ cụ thể cần đạt được trong năm 2026. Các nhiệm vụ đang triển khai theo đúng tiến độ đề ra.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Công tác kiểm tra cải cách hành chính được triển khai nghiêm túc, bám sát kế hoạch và chỉ đạo của cấp trên. Ủy ban nhân dân xã thường xuyên kiểm tra định kỳ và đột xuất, tập trung vào các nội dung trọng tâm như: thực hiện thủ tục hành chính, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho người dân, tổ chức, cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính

- Công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính thời gian qua được quan tâm triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo tăng cường tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, các cuộc họp dân, niêm yết tại Bộ phận Một cửa, lồng ghép trong các cuộc họp, sinh hoạt của các đoàn thể… Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính; quy trình, thủ tục hành chính; dịch vụ công trực tuyến; quyền và nghĩa vụ của người dân, tổ chức khi tham gia giải quyết thủ tục hành chính.

- Trung tâm phục vụ Hành chính công xã thiết lập bàn hỗ trợ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công xã trong giờ hành chính. Truyền thông trên hệ thống truyền thanh, mạng xã hội, Zalo, website Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong. Cán bộ tiếp dân phối hợp với Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ thao tác trực tiếp cho người dân. Hướng dẫn người dân tạo tài khoản dịch vụ công, đăng nhập, nộp hồ sơ, tra cứu kết quả và thanh toán trực tuyến.

- Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh xã đã xây dựng 54 tin bài với 162 lượt phát, tuyên truyền về các nội dung cải cách hành chính phát sóng trong các chương trình thời sự phát thanh, phát trên Đài truyền thanh xã với nội dung tuyên truyền về kết quả công tác cải cách hành chính của xã; việc thực hiện các giải pháp trong công tác cải cách hành chính của xã; tuyên truyền hoạt động của Trung tâm phục vụ Hành chính công; việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế, giáo dục, BHXH…; việc ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động quản lý điều hành của các cơ quan, đơn vị; công tác chuyển đổi số trên địa bàn xã, những kết quả quan trọng trong việc chuyển đổi số; ý nghĩa, tầm quan trọng của Đề án 06, về tiện ích của căn cước công dân; chức năng, tính năng và cách thức cài đặt, đăng ký, sử dụng VneID….phát sóng trong các chương trình thời sự phát thanh, phát trên đài truyền thanh xã. Xây dựng pano, đặt tại khu Trung tâm hành chính xã.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân xã giao

Công tác tổng hợp, theo dõi và cập nhật tiến độ thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân xã giao được triển khai tương đối chặt chẽ và có nề nếp. Văn phòng HĐND và UBND xã đã chủ động tham mưu xây dựng hệ thống theo dõi nhiệm vụ; thường xuyên đôn đốc các bộ phận chuyên môn cập nhật tình hình thực hiện, đảm bảo các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ và yêu cầu đề ra. Đã ban hành Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã lần thứ ! nhiệm kỳ 2025-2030; Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Phong. Đến nay, các nhiệm vụ đang triển khai theo đúng tiến độ đề ra.

6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại địa phương

Chưa phát hiện mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính để nhân rộng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Ban hành Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 31/12/2025 về kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2026

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 27/01/2026 theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Phong.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Ban hành Công văn số 169/UBND-VP ngày 23/02/2026 kết quả rà soát, kiến nghị xử lý hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ.

Trong kỳ báo cáo không có ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính đã rà soát và chuẩn hóa được tỉnh công bố là 402 thủ tục, xã đã cập nhật và niêm yết để thực hiện, các thủ tục được hiện trên phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và liên thông Cổng Dịch vụ hành chính công quốc gia.

b. Tổng hợp, cập nhật số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương

Trên cơ sở các quyết định công bố của UBND tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cập nhật 402 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết để thực hiện công khai, niêm yết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã. Ngoài ra, cập nhật 34 thủ tục thuộc ngành dọc tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

Đồng thời, các thủ tục hành chính cũng được công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã tại mục thủ tục hành chính, địa chỉ vinhphong.angiang.gov.vn, qua đó tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu, giám sát và thực hiện thủ tục hành chính.

c. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Trung tâm phục vụ Hành chính công: Ủy ban nhân dân xã đã quán triệt, chỉ đạo công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Trung tâm phục vụ Hành chính công được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị như máy tính, máy scan, máy in, kiốt tra cứu, tủ đựng tài liệu, bàn, ghế cho cán bộ, công chức, ghế ngồi chờ của tổ chức, công dân, bảng niêm yết các danh mục thủ tục hành chính theo quy định đảm bảo phục vụ cho người dân đến giao dịch, tra cứu.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC: Trong quý, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã tiếp nhận 3.433 hồ sơ hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (trực tuyến 3.159 hồ sơ, trực tiếp 37 hồ sơ, chuyển sang 237 hồ sơ), giải quyết đúng, trước hẹn 3.356 hồ sơ, trễ hẹn 2 hồ sơ, chưa đến ngày trả kết quả 58 hồ sơ; rút, bổ sung 17 hồ sơ.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong kỳ, tiếp nhận 03 phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân. Đã trả lời theo quy định.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính: Việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã chuyển biến rõ rệt, ngày càng phục vụ tốt hơn yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân và tổ chức. Hầu hết các cơ quan chuyên môn đều bám sát và tuân thủ các quy định về thủ tục hành chính như về thành phần hồ sơ, thời gian thực hiện, yêu cầu các điều kiện về thực hiện thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc liên hệ giải quyết các thủ tục hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Công tác rà soát tổ chức bộ máy, biên chế, sửa đổi bổ sung chức năng nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, Trung tâm Phục vụ Hành chính công và đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã thực hiện phân cấp quản lý theo đúng quy định. Ủy ban nhân dân xã tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát sửa đổi, bổ sung và xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, biên chế theo đúng quy định.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế tại các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân xã được thực hiện theo đúng quy định. Hiện nay, xã Vĩnh Phong có tổng số cán bộ, công chức, viên chức hiện đang công tác là 478 người (biên chế giao là 524 người). Trong đó, Hội đồng nhân dân 05, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân 03, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã 14 (biên chế giao 31), Phòng Kinh tế 11 (biên chế giao 19), Phòng Văn hóa-Xã hội 09 (biên chế giao 18), Trung tâm phục vụ Hành chính công 05 (biên chế giao 09), Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã có mặt 13 (biên chế giao 15), Trạm Y tế có mặt 20 người (biên chế giao 22 người); 11 Trường học có mặt 398 (biên chế giao 410).

- Trình Hội đồng nhân dân xã ban hành các Nghị quyết: Điều chỉnh Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Vĩnh Phong về việc giao biên chế cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính xã Vĩnh Phong năm 2026; điều chỉnh Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc giao biên chế viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong năm 2026; tạm giao biên viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã Vĩnh Phong năm 2026; tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong cơ quan hành chính nhà nướcxã Vĩnh Phong năm 2026; miễn nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong nhiệm kỳ 2021-2026; bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong nhiệm kỳ 2021-2026.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Ban hành Quyết định điều động 01 công chức văn phòng HĐND&UBND xã về nhận nhiệm vụ tại cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam xã; Quyết định bổ nhiệm chức vụ Giám đốc và Phó Giám đốc Trạm Y tế xã Vĩnh Phong; Quyết định phê duyệt Đề án thành lập Trạm Y tế xã Vĩnh Phong trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng 03 Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận trực thuộc Sở Y tế; Quyết

định thành lập Trạm Y tế xã Vĩnh Phong; Quyết định bổ nhiệm phụ trách kế toán đơn vị Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Trạm Y tế xã Vĩnh Phong.

- Tiếp nhận 05 hồ sơ nghỉ theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước: dự toán 40.300 triệu đồng, đến nay thu 14.650 triệu đồng, đạt 36,35% dự toán.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: kế hoạch tỉnh giao là 16.577 triệu đồng, giải ngân 0 triệu đồng (UBND tỉnh giao ngày 07/3/2026).

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: không.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

Ủy ban nhân dân xã đã bố trí chỗ làm việc cho các cơ quan, đơn vị thuộc xã tại đơn vị hành chính mới đảm bảo, trang bị các phương tiện, thiết bị máy móc cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, kết nối các đường truyền đảm bảo thông suốt đảm bảo phục vụ Nhân dân và thực hiện việc chuyển đổi số.

Tuy nhiên, một số máy móc, trang thiết bị đã xuống cấp nên trong thực hiện nhiệm vụ còn gặp không ít khó khăn. Công tác quản lý, khai thác cơ sở vật chất dư thừa sau hợp nhất (trụ sở cũ) còn chậm; một số đơn vị chưa có điều kiện bố trí đầy đủ trang thiết bị làm việc theo mô hình mới.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Quan tâm sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong gồm có 14 đơn vị (02 Ban quản lý, 11 Trường học; 01 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp) không có thay đổi về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với trước sáp nhập.

- Đánh giá mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập

Trên địa bàn xã có 14 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong, trong đó: 12/14 đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (thuộc nhóm 2.5); 01/14 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (thuộc nhóm 2.3); 01/14 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (thuộc nhóm 2.4).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương

Ban hành Quyết định số 653/QĐ-UBND, ngày 02/3/2026 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Vĩnh Phong; Ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 10/3/2026 về nâng cao Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) xã Vĩnh Phong 2026.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống mạng nội bộ (LAN) tại Ủy ban nhân dân xã được đầu tư, nâng cấp, bảo đảm kết nối thông suốt. Trang bị máy chủ, máy tính để bàn, máy in, thiết bị hội nghị trực tuyến cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc. Kết nối internet tốc độ cao, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin trong quá trình xử lý và truyền tải dữ liệu. Phòng làm việc của Trung tâm phục vụ Hành chính công được bố trí thiết bị hiện đại, tạo thuận lợi cho người dân khi đến giao dịch.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

Khai thác hiệu quả phần mềm văn phòng điện tử phục vụ trao đổi văn bản điện tử giữa xã với cấp trên, bảo đảm 100% văn bản đi, đến được xử lý điện tử. Triển khai cấp 06 chữ ký số cho 06 cơ quan và 58 chữ ký số cho cán bộ, công chức, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành, xử lý hồ sơ.

- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

Hoàn thành cập nhật dữ liệu dân cư, hộ tịch, đất đai, người có công và bảo trợ xã hội theo hướng đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia. Từng bước hình thành kho dữ liệu điện tử phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân xã. Thường xuyên rà soát, chuẩn hóa thông tin dữ liệu bảo đảm tính chính xác, kịp thời. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa xã và các cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

Ứng dụng phần mềm quản lý văn bản trong tiếp nhận, xử lý và ban hành văn bản điện tử trên văn phòng điện tử tỉnh An Giang (vpdt.angiang.gov.vn). Triển khai ứng dụng quản lý lịch công tác, hội họp trực tuyến, tiết kiệm thời gian, chi phí. Ứng dụng phần mềm quản lý tài chính - kế toán, quản lý cán bộ, quản lý chuyên ngành (y tế, giáo dục, ….).

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

Trung tâm phục vụ Hành chính công phục vụ cá nhân và tổ chức nhanh chóng, công khai, minh bạch. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính: giảm thời gian xử lý, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

Từng bước triển khai các ứng dụng đô thị thông minh gắn với nhu cầu thực tiễn của người dân (giám sát an ninh, chiếu sáng thông minh, …). Phối hợp với đơn vị chuyên môn cấp trên để tích hợp dữ liệu dân cư, đất đai, y tế, giáo dục… phục vụ công tác quản lý địa phương. Tăng cường kênh tương tác giữa chính quyền và Nhân dân thông qua ứng dụng di động, trang thông tin điện tử, mạng xã hội. Góp phần xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số, tạo nền tảng hình thành đô thị thông minh cấp xã.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Trong quý, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã tiếp nhận và giải quyết 3.159/3.433 hồ sơ trực tuyến, đạt 92,02%. Có 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân xã được cập nhật, công khai, minh bạch trên hệ thống. Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến ngày càng tăng, nhiều thủ tục được xử lý rút ngắn thời gian so với trước đây. Cải thiện rõ rệt chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ hành chính công.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và của các sở, ngành cấp tỉnh, sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính theo quy định. Các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu đã tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch.

- Cải cách thủ tục hành chính được triển khai thực hiện có hiệu quả, tập trung nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Nhiều quy trình, thủ tục hành chính đã được rà soát, bổ sung, đơn giản hóa tạo thuận lợi cho người dân.

- Kết quả tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa, một cửa liên thông" có những chuyển biến tích cực; công tác niêm yết các thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân; từng bước tạo lòng tin của người dân đối với các cơ quan nhà nước. Bước đầu triển khai có hiệu quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến tại xã.

- Triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ thanh toán trực tuyến của xã đạt 99,72%; tỷ lệ số hóa kết quả hồ sơ đạt 95,79%.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Hình thức tuyên truyền cải cách hành chính tuy có đổi mới nhưng còn chậm. Sáng kiến mới, cách làm hay trong công tác cải cách hành chính chưa phát huy hết hiệu quả. Tuy đường truyền được nâng cấp nhưng khi vận hành đôi lúc vẫn còn chậm làm ảnh hưởng đến quá trình xử ký hồ sơ trên cổng dịch vụ công. Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn ít, người dân dùng app ngân hàng thanh toán trực tuyến còn hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ II NĂM 2026

1. Cải cách thể chế

Tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật; tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn xã; kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phụ vụ Hành chính công theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tinh gọn, hiệu quả theo văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và cấp ủy cùng cấp quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

Thực hiện Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. Ủy ban nhân dân xã thực hiện quy trình công tác cán bộ; công tác quản lý, sử dụng công chức, viên chức theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

Thực hiện tốt cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của chính phủ và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Bảo đảm thực hiện tiết kiệm và hiệu quả các khoản chi tài chính - ngân sách, tài sản công; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về ngân sách, quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài chính, tài sản công.

6. Xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 bằng phần mềm ISO điện tử thay ISO giấy.

Thực hiện có hiệu quả Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã nhằm cung cấp thông tin, thủ tục hành chính và các dịch vụ công cho cá nhân, tổ chức kịp thời, tỷ lệ văn bản, tài liệu chính thức giữa các cơ quan nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử. Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Sở Thông tin-Truyền thông và các đơn vị chuyên ngành có liên quan bảo trì, kiểm tra đường truyền, thiết bị máy tính định kỳ đảm bảo thông suốt trong tiếp nhận và trả kết quả cho người dân và doanh nghiệp.

7. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp qua các nền tảng trực tuyến. Cập nhật, báo cáo kết

quả thực hiện tiêu chí, tiêu chí thành phần nội dung thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, Kế hoạch về cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) trên địa bàn xã Vĩnh Phong. Tổ chức tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo quy chế; phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thời gian tới.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý I năm 2026 và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- TT. Đảng ủy xã;
- TT. HĐND xã;
- CT, PCT. UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Thành viên Tổ Công tác CCHC xã;
- Lưu: VT, ttcloan.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VĨNH PHONG T. TRÀ VINH

Châu Ngọc Cẩn

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	**Số liệu**	
1.	**Tổng số VBQPPL[1] do địa phương ban hành**	Văn bản	**=a+b**	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	a	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	**Kiểm tra, xử lý VBQPPL**			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	**= b/a*100**	
2.2.1.	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra*	Văn bản	a	
2.2.2.	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong*	Văn bản	b	
3.	**Rà soát VBQPPL**			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	**= b/a*100**	
3.2.1.	*Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát*	Văn bản	a	
3.2.2.	*Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã xử lý xong*	Văn bản	b	

[1] Văn bản quy phạm pháp luật.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	**Thống kê TTHC**				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục			
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục			
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục			
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương		404		
1.4.1.	*Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục			
1.4.2.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*		402		
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**				
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa		97,26		
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính		402		
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**				

3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ			
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ			
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn		99,94%		
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*		3358		
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*		3356		
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC		100%		
3.3.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*		3		
3.3.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*		3		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú	Phân công
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	**Thống kê TTHC**				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục			
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục			
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục			
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương		404		
1.4.1.	*Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*	Thủ tục			
1.4.2.	*Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)*		402		
2.	**Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**				
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa		97,26		
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính		402		
3.	**Kết quả giải quyết TTHC**				

3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.1.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*	Hồ sơ			
3.1.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*	Hồ sơ			
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn		99,94%		
3.2.1.	*Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong*		3358		
3.2.2.	*Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn*		3356		
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC		100%		
3.3.1.	*Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)*		3		
3.3.2.	*Số PAKN đã giải quyết xong*		3		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Vị trí việc làm của công chức, viên chức**			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	4	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	**Tuyển dụng công chức, viên chức**			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3.	**Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(Lũy kế từ đầu năm)*	Người	**0**	
4.	**Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật** *(cả về Đảng và chính quyền).*		**=a+b+c+d**	

4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	a	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	b	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	c	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	d	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH PHÚNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	**%**	**=b/a*100**	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	16.577	Tỉnh giao ngày 07/3/2026
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	**Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*		14	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.1.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên*	Đơn vị		
2.4.2.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên*	Đơn vị		
2.4.3.	*Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên*	Đơn vị	*1*	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	12	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất**	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
2.	**Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**	%		
3.	**Số liệu về trao đổi văn bản điện tử**			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	*Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	*%*	*100*	
3.1.2.	*Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh*	*%*	*100*	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương *(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	100	
3.2.1.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh*	*%*	*100*	
3.2.2.	*Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã*	*%*	*100*	
4.	**Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)**			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	=b/a*100	**5,85%**
4.1.1.	*Tổng số* DVCTT *đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình*	Thủ tục	*a*	**171**

4.1.2.	*Số lượng* DVCTT toàn trình	Thủ tục	*b*	**10**
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	**=b/a*100**	**7,9**
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	*a*	**228**
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	*b*	**18**
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	**=b/a*100**	***20,22***
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	*a*	**3438**
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	*b*	**695**
4.4	*Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương*	%	**=b/a*100**	***79,78***
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	*a*	*3438*
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	*b*	2743
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	**=b/a*100**	100
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,…)	Thủ tục	*a*	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	*b*	